

MỘT SỐ DẪN LIỆU BỔ SUNG CHO CÂY QUÉO (HỌ ĐÀO LỘN HỘT - ANACARDIACEAE) TRỒNG Ở ĐỀN CHÙA HÀ NỘI

Phan Kế Lộc¹,
Nguyễn Thị Hà Giang², Nguyễn Thị Ánh Duyên²

¹Trường Đại học Khoa học Tự nhiên,
Đại học Quốc gia Hà Nội

²Trường Đại học Giáo dục,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Xác định đúng tên gọi của đối tượng là công việc rất cần thiết để lập kế hoạch sử dụng bền vững chúng, trong đó có việc lập hồ sơ để tôn vinh các Cây Di sản. Tên một số cây trồng bằng tiếng Việt và tên khoa học, nhất là đối với các cây trồng không rõ nguồn gốc đề xuất có khi không nhất quán vì không dẫn ra bằng chứng khoa học đáng tin cậy. Một trong các ví dụ là các cây cổ thụ thuộc nhóm Xoài (*Mangifera*) được trồng phổ biến ở nhiều đình chùa Hà Nội. Chúng đã được Tổ chức Cây Di sản gọi là *Muối* với tên khoa học là *Mangifera foetida* Lour., lần đầu tiên được vinh danh ở Đền Voi Phục (Thụy Khuê) và một số điểm khác, trong đó dự kiến cả hai hàng cây cổ thụ uy nghi dọc đường dẫn từ cổng vào Chùa Láng [2]. Tuy nhiên so với quả chín của loài *Muối Mangifera foetida* Lour. kể trên thường dài hơn 15 cm [11] thì quả chín của các cây ở Chùa Láng nhỏ hơn nhiều, dài không quá 7-8 cm, được người dân địa phương gọi là *Quéo*, vẫn được thu hái hàng năm để bán. “*Quéo*” là tên Việt Nam lần đầu tiên được nhà thực vật học Pierre dùng để gọi tên loài *Mangifera duperreana* Pierre mọc hoang dại ở đảo Phú Quốc [9], sau đó được Lecomte [3], Tardieu [11] và Phạm Hoàng Hộ [7-8] dùng cho cả loài *M. reba* Pierre mọc hoang dại ở một số tỉnh phía Nam. Để tránh những sự không nhất quán kể trên, trong báo cáo này chúng tôi sẽ bàn về tên khoa học của cây *Quéo* trồng ở một số đình chùa Hà Nội.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp

Để nghiên cứu một đối tượng thực vật cần phải có bằng chứng đáng tin cậy: đó là các mẫu thực vật khô được thu thập đúng quy trình và được lưu trữ lâu dài trong các Tập mẫu thực vật khô (Herbaria). Đối với cây dạng gỗ cần thu thập mẫu của từng cá thể ở các giai đoạn khác nhau, chủ yếu khi cây nở hoa và mang quả chín, kèm theo số hiệu và lý lịch, ảnh chụp. Ngay mẫu thu ở cùng một cây nhưng ở các giai đoạn khác nhau cũng phải cho các số hiệu khác nhau. Tuyệt đối không thể lấy mẫu thu từ cây này gắn vào cây khác, nhất là không thể dùng một tên thường gọi để gắn tên cho nhiều cây khác nhau mà không kèm theo mẫu thu làm bằng chứng. Riêng đối với chi Xoài *Mangifera* thì bắt buộc phải thu được quả chín, tốt nhất từ chính cây thu mẫu lá, hoa. Ý kiến của người dân chỉ có tính tham khảo. Tránh dịch từ tên tiếng Việt sang tên khoa học chỉ dựa vào sách vở. Có tham khảo thêm mẫu vật lưu trữ ở một số Tập mẫu thực vật khô khác như HN, VNM. Tên khoa học của các mẫu vật nghiên cứu được xác định bằng cách đối chiếu với các Bản tên hợp lệ (Protologue), sau đó được lưu trữ tại Tập mẫu thực vật khô (HNU) của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mẫu vật

Đối tượng nghiên cứu là các cây thuộc chi Xoài *Mangifera* trồng ở các đình chùa nội thành Hà Nội có quả nhỏ, khi chín không dài quá 7-8 cm và không có mỏ, thường được gọi là *Quéo*, phân biệt với cây có quả dài hơn 15 cm thường được gọi là *Muối*. Mẫu vật nghiên cứu được thu thập ở một số cá thể khác nhau. Vì điều kiện hạn chế chúng tôi mới chọn một cá thể mọc ở Vườn hoa José Martí (đối diện Trường Đại học Dược Hà Nội ở 13-15 phố Lê Thánh Tông) để

theo dõi thời kỳ ra hoa, quả chín đều đặn hơn trong 2 năm, từ tháng 6 năm 2015 đến tháng 5 năm 2017 (P 11478). Một số mẫu vật bổ sung và ảnh được thu, chụp từ cây trồng ở đường Hoàng Diệu (NTHG 008), Chùa Láng và ở Quốc Tử Giám (P 11481).

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Các đặc điểm hình thái chủ yếu của mẫu vật *Quáo* nghiên cứu (Hình 1)

a. Mô tả: Cây gỗ thường xanh, có thân cao đến 25-30 m với đường kính thân đến 0,9-1,3 m hay hơn. Rễ bạnh nhỏ, thấp (thường cao không quá 1 m) và hẹp (thường rộng không quá 0,5 m từ gốc thân). Vỏ thân dày, bong thành từng mảng nhỏ ít nhiều hình chữ nhật dọc và thường không dày quá 0,5 cm ở cây khoảng 40-60 tuổi. Toàn bộ cành to, cành nhỏ, cành mang lá, lá hoàn toàn nhẵn. Lá hình elip-thuôn, đôi khi hơi hình mũi giáo; cuống lá hình tròn, dài cỡ 1,5-4,5 cm, phình lên và có rãnh lõm ở gốc, hơi dẹt ở trên; phiến lá dai, chất da mỏng, cỡ (7-) 11-16 (-18) x (2,7-) 3-3,5 (-4) cm đối với lá trên cành nhỏ mang cơ quan sinh sản, to hơn, đến 18-26 x 6-7 cm ở các cành già hơn ở dưới; chóp có mũi nhọn, ít khi có đuôi nhọn dài đến 1,5-2 cm; góc từ hình chót buồm đến hình chót buồm rộng; gân bậc hai thường có 18-28 đôi, hơi lồi ở mặt trên, lồi nhiều hơn ở mặt dưới cũng giống như gân giữa. Cụm hoa chùm kép ở tận cùng của cành, dài 16-26 cm, gân không cuống; trục màu lá mạ, phân nhánh ngay gần từ gốc; các nhánh bên thường không dài quá 3-5 cm, hướng lên trên; trục nhánh bên có lông mịn, ngắn, trục chính lơ thơ ít lông hay nhẵn. Cụm hoa mang hoa đực, hoa cái và hoa lưỡng tính, mẫu 5, ít khi 4. Lá hoa cỡ 1,2 x 0,7 mm, hình trứng, lồi, chóp nhọn, có lông mịn ngắn ở mặt xa trục. Lá đài hình trứng, lồi, nhọn hay có mũi nhọn ở chóp, dài đến 1,2-1,5 x 0,5-0,75 mm, phủ lông nằm ở mặt xa trục, nhẵn ở mặt gần trục. Cánh hoa trong nụ lợp, ít khi vắn, ở hoa nở hình trứng dài hay thuôn, cỡ 2,5-3 x 1,3 mm, hơi tròn đầu, màu trắng trắng, nhẵn ở cả hai mặt, uốn cong ra ngoài, trên mặt gần trục có 3-5 gờ lồi xuất phát sát nhau từ gốc, 3 gờ ở giữa dài nhất, đến 2/3 chiều dài cánh hoa, màu vàng nâu nhạt, mang tuyến sần sùi ở mặt. Đĩa tuyến mặt phình lên hình bán cầu, mỏng, chia 5 thùy, trên mặt nổi lên các u sần sùi. Nhị đực 4-5, đôi khi 6, trong số đó 1, rất ít khi 2 (một to hơn, dài khoảng 1,75 mm) hữu thụ; bao phấn màu đỏ, hình thuôn, dài khoảng 0,5-0,7 mm, lõm ở hai đầu; nhị lép 3-4, rất ít khi 5, dài 0,7-1 mm, vẫn nhìn thấy bao phấn lép màu đỏ; bầu hình cầu lệch, đường kính khi hoa nở khoảng 1,5 mm; vòi nhị cái hình dùi, đỉnh lệch về một bên, hơi ngắn hơn nhị hữu thụ; núm nhị cái thót lại. Quả chín gần hình trứng ngược dài, hai đầu tròn tròn, không có mỏ, màu đỏ cam, cỡ 5-7 x 3,5-4,5 x 3-5 cm; cuống quả dính hơi lệch về một bên chóp; vỏ quả giữa mỏng; hạch ít nhiều dẹt, phần lớn cỡ 4-5 x 2,3-2,6 x 1,5-2 cm, màu xám trắng, hơi hình chữ S.

b. Hiện tượng học: Hoa nở tháng 2-4; quả chín tháng 6-7.

c. Nhận xét: Tất cả các mẫu vật *Quáo* chúng tôi nghiên cứu đều: a. Giống nhau về các đặc điểm hình thái; b. Phân biệt với 9 loài cùng chi *Mangifera* đã biết ở Việt Nam [3, 6-11], cụ thể với: a. *M. foetida* Lour. vì đĩa tuyến mặt không hình que; b. *M. longipes* Griff. vì đĩa tuyến mặt không hình nón và chia thùy; c. *M. duperreana* Pierre và *M. cochinchinensis* Engl. vì hoa không có đến 5-7 nhị đực hữu thụ; d. *M. flava* Evrard vì có nhị lép; e. *M. camptosperma* Pierre và *M. indica* L. vì cụm hoa phủ đầy lông; f. *M. reba* Pierre vì cụm hoa phủ đầy lông và quả có mũi ở bên [11]. Ngược lại nó gần nhất với *M. dongnaiensis* Pierre vì cụm hoa nhẵn. Công bố của Nguyễn Tiến Bân thực tế chỉ là sự sao chép dẫn liệu của các tác giả khác [6]; d. Khác với tất cả 5 loài cùng chi *Xoài Mangifera* gặp ở Lào (*M. caloneura* Kurz, *M. camptosperma* Pierre, *M. cochinchinensis* Engl., *M. indica* L. và *M. longipetiolata* King) [5], 5 loài gặp ở Trung Quốc (*Mangifera laurina* Blume (= *M. longipes* Griff.), *M. indica* L., *M. persiciforma* C. Y. Wu & T. L. Ming, *M. sylvatica* Roxb. và *M. siamensis* Warb. ex Craib) [4] cũng như 17 loài gặp ở Thái Lan (*M. caesia* Jack, *M. caloneura* Kurz, *M. camptosperma* Pierre,

M. cochinchinensis Engl., *M. duperreana* Pierre, *M. flava* Evrard, *M. foetida* Lour., *M. gedebe* Miq., *M. gracilipes* Hook.f., *M. griffithii* Hook.f., *M. indica* L., *M. lagenifera* Griff., *M. macrosperma* Blume, *M. odorata* Griff., *M. pentandra* Hook.f., *M. quadrifida* và *M. sylvatica* Roxb.) [1]. Gần giống nhất với *M. dongnaiensis* Pierre nhưng khác ở lá dài nhỏ hơn, không dài đến 4,5 mm và có lông mịn ở mặt xa trục, cánh hoa cũng không dài đến 3,5 mm, ở mặt gần trục chỉ có 3-5 gờ lồi, cùng xuất phát từ gốc và chỉ dài đến 2/3 cánh hoa (theo Bản tên hợp lệ chỉ của một mẫu chuẩn *Pierre 1649* thu ở Pho Qua, bờ nhánh trái của Sông Cái, (sông Đồng Nai)) [9]. Tuy nhiên căn cứ vào một số mẫu vật nghiên cứu khác Tardieu-Blot [11] đã mô tả một số bộ phận cây của loài này nhỏ hơn như lá dài chỉ dài 0,15 cm, cánh hoa chỉ dài 0,25 cm, và gờ dọc mặt gần trục ngắn hơn giống như các mẫu vật của chúng tôi; tuy nhiên các nhị lép vẫn còn mang bao phấn lép, màu đỏ, thấy rõ. Trong Bản tên hợp lệ cũng như tất cả các tài liệu công bố khác chưa nói đến quả chín của *Mangifera dongnaiensis* Pierre. Trong khi chờ đợi có được dẫn liệu rất quan trọng này chúng tôi chỉ có thể đề nghị tên khoa học các mẫu *Quéo* chúng tôi nghiên cứu ở một số đình chùa Hà Nội là *Mangifera* cf. *dongnaiensis* Pierre.

d. Mẫu vật nghiên cứu: Quéo trồng ở Hà Nội, Hoàn Kiếm, Phan Chu Trinh, Vườn hoa José Martí, 13-15 Lê Thánh Tông, đối diện Trường Đại học Dược Hà Nội, 20-03-2016, *P. K. Lộc P 11478 A* (mang hoa) và 13-06-2016 *P. K. Lộc P 11478 B* (mang quả chín); Quéo trồng ở Ba Đình, Quốc Tử Giám, 22-03-2016 (mang hoa) *P. K. Lộc & T. D. Thanh P 11481 A* và *P 11481 B*; Quéo trồng ở Ba Đình, Hoàng Diệu, xé cửa Lãnh Sự Quán Trung Quốc, 14-03-2016 *N. T. H. Giang & P. K. Lộc NTHG 008* (mang hoa).

III. KẾT LUẬN

Trong khi chờ có được dẫn liệu về hình thái quả chín của loài *Mangifera dongnaiensis* Pierre ở điểm thu mẫu chuẩn thì tên khoa học của cây *Quéo* trồng ở một số đình chùa Hà Nội có quả chín không dài quá 7–8 cm và không có mỏ được đề nghị là *Mangifera* cf. *dongnaiensis* Pierre.

Để có thể xác định chính xác tên khoa học của các loài thuộc chi *Muối Mangifera* L. nhất thiết phải có mẫu vật thu ở từng cá thể mang cả hoa và quả chín.

Lời cảm ơn: Công trình nhận được sự tài trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED), Bộ Khoa học và Công nghệ, Việt Nam (đề tài # 106.11-2012.30) cho Phan Kế Lộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Chayamarit, K.**, 2010. Anacardiaceae, *Mangifera*. *Flora Thailand* 10(3). Bangkok: 295–306.
2. **Đặng Huy Huỳnh**, 2015. Các cây Di sản tại các quận ở thành phố Hà Nội: 116–124. Trong Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội (chủ biên). Ngân hàng cây xanh nội thành Hà Nội (tài liệu lưu hành nội bộ).
3. **Lecomte, H.**, 1908. Anacardiaceae, *Mangifera*. *Flore Générale de l' Indo-Chine* 2(1). *Masson & C^{ie} Ed.*, Paris: 13–19.
4. **Min, T. L., Barfod, A.**, 2008. Anacardiaceae, *Mangifera*. In Wu Z.Y., Raven, P.H. and Hong, D.Y. (eds.) *Flora China* 11. *Science Press (Beijing) & Missouri Botanical Garden Press* (St. Louis): 338–339.
5. **Newman, M. Ketphanh, S., Svengksuksa, B., Thomas, P., Sendala, K., Lamxay, V., Armstrong K.**, 2007. A Checklist of the Vascular Plants of Lao PDR, RBGE, NULaos, NAFRI, DARWIN, IUCN: 47.

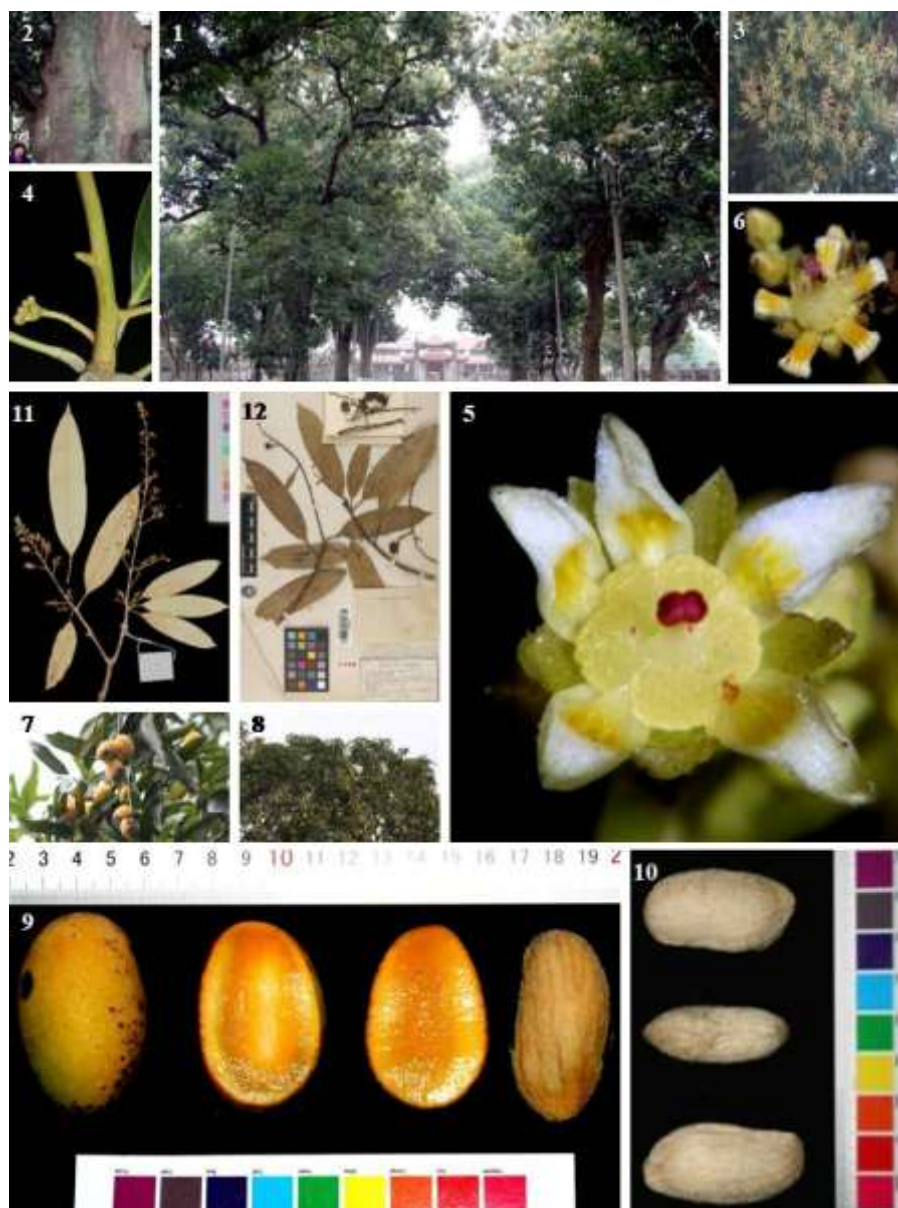
6. **Nguyễn Tiến Bản**, 2003. *Anacardiaceae, Mangifera*. Trong *Danh lục các loài thực vật Việt Nam II*. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội: 946–948.
7. **Phạm-hoàng Hộ**, 1992. *Anacardiaceae, Mangifera*. Cây cỏ Việt Nam. *An Illustrated Flora of Vietnam II*(1). Montréal: 457–460.
8. **Phạm-hoàng Hộ**, 2000. *Anacardiaceae, Mangifera*. Cây cỏ Việt Nam. *An Illustrated Flora of Vietnam II*. Nxb Trẻ: 365–368.
9. **Pierre, L.** 1897, *Mangifera dongnaiensis* Pierre. Flore Forestière Cochinchine 1: pl. 364 (?). Paris.
10. **Pierre, L.**, 1897. *Mangifera reba* Pierre. Flore Forestière Cochinchine 1: pl. 363. Paris.
11. **Tardieu-Blot, L.**, 1962. *Anacardiaceae, Mangifera*. Flore Cambodge, Laos et Vietnam 2. Mus. Natl. Hist. Nat., Paris: 83–99.

SOME ADDITIONAL DATA TO *CAY QUEO* (ANACARDIACEAE) CULTIVATED IN PAGODAS OF HANOI

Phan Ke Loc, Nguyen Thi Ha Giang, Nguyen Thi Duyen

SUMMARY

For the goal of sustainable utilisation of plant species, including the honor reputation of some of their individuals, the definition of their names, vietnamese and scientific is very important. Currently all the heritage trees of the genus *Mangifera* cultivated in pagodas of Hanoi are identified as cây *Muom Mangifera foetida* Lour. But this species has drupes more than 15 cm long and the identification is not based on any voucher specimens, what has caused the disagreement between plant taxonomists. The aim of this report is to overcome this situation. Our studied specimens from *cay Queo* (*P 11478 A*, *P 11478 B*, *P 11481A*, *NTHG 008*) were collected from each individual with all plant parts, especially flowers and ripe drupes accompanied by labels and photos. Their scientific name was identified by comparison first of all with Protologue. Their main morphological characteristics are evergreen trees 25–30 m tall and d.b.h. 0.9–1.3 m, sometimes a bit more, buttresses small; all plant parts glabrous except axes of lateral inflorescence and abaxial face of sepals; leaves elliptic-oblong or lanceolate, thin leathery, ca. (7–) 11–16 (–18) x (2.7–) 3–3.5 (–4) cm on bearing flower and fruit branchlets, 18–26 x 6–7 cm on old branches; panicle axes grass-green; flowers pentamerous, rarely tetramerous; sepals ovate, convex, acute or acuminate at apex, ca. 1.2–1.5 x 0.5–0.75 mm, sparsely puberulous abaxially; petals oblong or oblong-lanceolate, ca. 2.5–3 x 1.3 mm, whitish, recurved, with 3–5 prominent veins adaxially, medium vein up to 2/3 of the length of petals; disc short-cupular, slightly 5-lobulated, papillate; stamens 4–5 (–6), among them 1, rarely 2 fertiles, anther reddish, oblong, ca. 0.5–0.7 mm, emarginate at both ends; staminodes 3–5, less than 1 mm long with sterile anthers reddish; ovary globose, pistil subterminal, subulate; ripe drupes reddish-orange, slightly obovoid, rounded both ends, unbecked, slightly compressed, ca. 5–7 x 3.5–4.5 x 3–5 cm; mesocarp thin, endocarp slightly compressed, ca. 4–5 x 2.3–2.6 x 1.5–2 cm, greyish white, slightly S-shaped; peduncles subterminal. Fl Feb–Apr, ripe drupes Jun–Jul. Our *cay Queo* studied specimens are very closed to *Mangifera dongnaiensis* Pierre. But due to the lacking data of ripe drupes of the last species, at the time being the scientific name of *cay Queo* cultivated in pagodas of Hanoi should be proposed as *Mangifera* cf. *dongnaiensis* Pierre. To have proper name of *Mangifera*’ species specimens with bloomed flowers and ripe fruits collected from the same tree are needed.



Hình 1: Cây *Quáo* *Mangifera cf. dongnaiensis* Pierre trông ở đình chùa Hà Nội

1. Hai hàng cây *Quáo* cổ thụ (NTHG 006) uy nghi trên đường dẫn từ cổng vào Chùa Láng (3/2016) ; 2. Thân của một cây *Quáo* cổ thụ (NTHG 006) ở chùa Láng (3/2016); 3. Cây *Quáo* (NTHG 006) ở chùa Láng đang hoa nở rộ (3/2016); 4. Lông thưa thớt ở trục chính và dày ở trục bên của cụm hoa cây *Quáo* (*P 11478*) ở vườn hoa José Martí (3/2016); 5. Đĩa tuyến mật chia 5 thùy của hoa đực cây *Quáo* (*P 11478*) ở vườn hoa José Martí (3/2016); 6. Nhị hữu thụ và nhị lép của hoa đực cây *Quáo* (*P 11478*) ở vườn hoa José Martí (3/2016); 7-8. Cây *Quáo* ở chùa Vạn Niên đang vào mùa quả chín rộ (7/2016) (s.n.); 9. Quả chín của cây *Quáo* ở vườn hoa José Martí (*P 11478 B*) (7/2016); 10. Hạch quả chín của cây *Quáo* ở vườn hoa José Martí (*P 11478 B*) (7/2016); 11. Mẫu vật khô (*P 11478*) thu ở vườn hoa José Martí (3/2016); 12. *Mangifera dongnaiensis* Pierre, Type: Vietnam, Dong Nai, Bien Hoa, rives du Dong Nai. Pierre 1649 (Holotype P, P02440621!).